

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2025/DS-PT
Ngày: 25.4.2025
V/v “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh
Các thẩm phán: Bà Phan Thị Hồng Dung
Ông Phạm Văn Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 610/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 350/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 186/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Dương Ngọc Anh T, Sinh năm 2003. Địa chỉ: 1 N, phường T, quận N, Tp Cần Thơ (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn Á, sinh năm 1990 và bà Võ Thị Bích T1, sinh năm 1997. Địa chỉ: A đường T, phường H, quận N, Tp Cần Thơ (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 01/02/2023 của Văn phòng C) (ông Trần Văn Á có mặt, bà Võ Thị Bích T1 vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bà Bùi Thị T2, Sinh năm: 1953. Địa chỉ: 1 N, phường T, quận N, Tp Cần Thơ (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số B, đường B, Khu dân cư T, KV T, phường P, quận C, Tp Cần Thơ - theo giấy ủy quyền ngày 10/3/2023 (có mặt).

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ngân hàng TMCP X (E). Địa chỉ chi nhánh: Số H P, phường T, quận N, Tp Cần Thơ (vắng mặt).

2/ Công ty TNHH Một Thành Viên T7. Địa chỉ: P, Tầng A, S, Số F đường L, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng).

3/ Trung tâm V1. Địa chỉ: Số A, Đ, phường L, quận C, Tp Cần Thơ (vắng mặt).

4/ Trung Tâm T8- Chi nhánh Công ty Cổ Phần V2. Địa chỉ: tầng F, số G Chùa B, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội (xin vắng).

5/ Công ty TNHH Đ. Địa chỉ trụ sở: 1 N, phường T, quận N, Tp Cần Thơ. Đại diện pháp luật: ông Dương Ngọc Bảo M (vắng mặt).

6. Bà Dương Ngọc Bảo T4, sinh năm: 1977. Địa chỉ: 1 N, phường T, quận N, Tp Cần Thơ (xin vắng).

7. Bà Nguyễn Dương Tường V, sinh năm: 2002. Địa chỉ: 1 N, phường T, quận N, Tp Cần Thơ (xin vắng).

8. Ông Dương Ngọc Bảo M, sinh năm: 1976. Địa chỉ: 1 N, phường T, quận N, Tp Cần Thơ (xin vắng).

9. Ông Huỳnh Văn T5, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khu V, phường T, quận C, Tp Cần Thơ (xin vắng).

- *Người kháng cáo:*

1. Bà Bùi Thị T2 là bị đơn.

2. Bà Dương Ngọc Anh T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Dương Ngọc Anh T trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu phân chia di sản thừa kế do ông Dương Ngọc Bảo Q (chết) để lại như sau:

1/ Yêu cầu phân chia đối với bất động sản: Phần quyền sử dụng đất có diện tích 110m², thuộc thửa 320, tờ bản đồ số 10 và căn nhà Cấp 2 có diện tích xây dựng 51.23m², diện tích sử dụng 82,4m². Phần tài sản gắn liền với đất là nhà và đất tọa lạc tại số: 1 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 54001110796 do U cấp ngày 03/10/2001. Tài sản nói trên hiện đang thế chấp cho ngân hàng E chi nhánh C1. Số tiền cụ thể bao nhiêu thì không rõ.

2/ Đối với động sản:

- Chiếc xe ô tô mang biển số: 65A – 351.71, số máy: 2NRX926058, số khung MHFABIBY8N3023835, Giấy đăng ký xe số: 65 015629 (Hiện tài sản đang thế chấp tại Công ty TNHH Một Thành Viên T7) giá trị ước tính khoảng 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Bà T yêu cầu được nhận hiện vật và hoàn lại giá trị cho bà T2.

- Chiếc xe ô tô mang biển số: 65A- 330.20, số máy: 2NRX841173, số khung RL4B28F34N5122293, Giấy đăng ký xe số: 65A12153 (Hiện tài sản đang thế chấp tại Công Ty TNHH Một Thành Viên T7) giá trị ước tính khoảng 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Bà T yêu cầu được nhận hiện vật và hoàn lại giá trị cho bà T2.

- Chiếc xe ô tô mang biển số: 65A – 201.21, số máy: F16D32598441, số khung: RLLANF46D8H010201. Giấy đăng ký xe số: 65A-07266, giá trị ước tính khoảng 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Bà T yêu cầu được nhận hiện vật và hoàn lại giá trị cho bà T2.

3. Đối với yêu cầu thừa kế về quyền bề mặt và quyền tài sản khác được hình thành từ ông Dương Ngọc Bảo Q (chết) để lại:

- Hợp đồng thuê cột anten có sẵn và nhà trạm lắp đặt trạm thông tin di động số: BTS/314043-3/HĐKT ký ngày 05/08/2009 tại Trung Tâm T8 – Chi nhánh Công Ty Cổ Phần V2 và phụ lục gia hạn hợp đồng thuê mặt bằng đặt trạm thông tin di động ký ngày 15/2/2022, ước tính khoảng 292.500.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), bà T yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ tiền cho thuê cơ sở hạ tầng nói trên cho đến khi nào kết thúc hợp đồng là 146.250.000đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

- Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng lắp đặt thiết bị viễn thông số: 042/HĐ-CSHT/2016 ký ngày 07/10/2016 tại Trung Tâm V1- V1 và phụ lục hợp đồng ký ngày 01/07/2021, ước tính khoảng 280.500.000đ (Hai trăm tám mươi triệu năm trăm ngàn đồng). Bà T yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ tiền cho thuê cơ sở hạ tầng nói trên cho đến khi kết thúc hợp đồng là 140.250.000đ (Một trăm bốn mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

*Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, bị đơn bà Bùi Thị T2 có ý kiến và yêu cầu phản tố như sau: Bà có căn nhà tọa lạc tại địa chỉ: 1 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Bà có để căn nhà này lại cho con là Dương Ngọc Bảo Q, sinh năm: 1974 đứng tên để thế chấp vay ngân hàng, nhà có diện tích 51,23 m², thửa số 320, tờ bản đồ số 10 do UBND thành phố U cấp ngày 03/10/2001. Ngày 29/11/2022 Dương Ngọc Bảo Q đột ngột chết do đột quy nên không có di chúc. Khi còn sống ông Q có kết hôn với bà Đinh Thị Ú đã ly hôn theo quyết định số 05/2009/HNST, ngày 08/01/2009, ông Q có một người con là Dương Ngọc Anh T, sinh năm: 2003. Ông Dương Ngọc Bảo Q chết có để lại tài sản là di sản thừa kế như sau:

- Một căn nhà và đất ở tọa lạc tại địa chỉ: 1 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- 02 (hai) xe ô tô nhãn hiệu Toyota (01 chiếc loại 05 chỗ, 01 chiếc loại 07 chỗ) mua với hình thức trả góp với Công ty TNHH Một Thành Viên T7.

- 01 (một) xe ô tô loại 05 chỗ mua vào năm 2008.

- Tiền Việt Nam đồng trong tài khoản của Dương Ngọc Bảo Q số TK0918128989, số tiền 276.000.000 đồng Dương Ngọc Anh T quản lý.

Về số nợ của Dương Ngọc Bảo Q để lại:

- Nợ ngân hàng TMCP X – Chi nhánh C1 (E) và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất ở - nhà ở tọa lạc tại địa chỉ: 1 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Nợ bà Bùi Thị T2 số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Nay yêu cầu phân chia thừa kế theo pháp luật của Dương Ngọc Bảo Q để lại và khấu trừ nợ theo hàng thừa kế thứ nhất của Dương Ngọc Bảo Q

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:

1. Công ty TNHH MTV T7 (TFSVN): Theo vụ kiện tranh chấp tài sản là di sản thừa kế của ông Dương Ngọc Bảo Q có hai xe ô tô đang là tài sản đảm bảo thực hiện các khoản vay của ông Dương Ngọc Bảo Q tại TFSVN gồm:

- Chiếc xe ô tô mang biển số: 65A – 351.71, số máy: 2NRX926058, số khung MHFABIBY8N3023835, Giấy đăng ký xe số: 65 015629, theo hợp đồng tín dụng số 1000778178 ký ngày 14/9/2022, theo hợp đồng ông Dương Ngọc Bảo Q vay TFSVN số tiền 532.000.000 đồng để mua xe ô tô mang biển kiểm soát số 65A – 351.71 và thế chấp xe ô tô này làm tài sản đảm bảo khoản vay, giao dịch bảo đảm được TFSVN đăng ký theo quy định.

- Chiếc xe ô tô mang biển số: 65A- 330.20, số máy: 2NRX841173, số khung RL4B28F34N5122293, Giấy đăng ký xe số: 65 012153, theo hợp đồng tín dụng số 1000718814 ký ngày 11/5/2022, theo hợp đồng ông Dương Ngọc Bảo Q vay TFSVN số tiền 428.000.000 đồng để mua xe ô tô mang biển kiểm soát số 65A – 330.20 và thế chấp xe ô tô này làm tài sản đảm bảo khoản vay, giao dịch bảo đảm được TFSVN đăng ký theo quy định. Tính từ ngày 23/5/2023 tổng dư nợ là 377.047.610 đồng. TFSVN yêu cầu những người thừa kế của ông Dương Ngọc Bảo Q liên đới chịu trách nhiệm theo hai hợp đồng tín dụng ông Q đã ký kết với TFSVN; trường hợp những người thừa kế không thực hiện nghĩa vụ TFSVN sẽ thực hiện thu hồi tài sản đảm bảo.

2. Trung tâm V1 có văn bản số 55/TTVT2, ngày 07/6/2023 không có ý kiến.

3. Bà Dương Ngọc Bảo T4: xác định đã mua xe của bà T giá 470.000.000 đồng, đã giao bà T 70.000.000 đồng, còn 400.000.000 đồng trả tiếp cho công ty T7.

4. Bà Nguyễn Dương Tường V không có ý kiến.

5. Ông Dương Ngọc Bảo M không có ý kiến;

6. Công ty TNHH Đ. Địa chỉ trụ sở: 1 N, Phường T, Quận N, Thành phố Cần Thơ. Đại diện pháp luật: ông Dương Ngọc Bảo M không có ý kiến.

7. Ngân hàng TMCP X (E). Ông Dương Ngọc Bảo Q có ký hợp đồng tín dụng số LAV220014723/1003, ngày 25/02/2022 với E để vay số tiền 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng), lãi suất quá hạn 150% lãi vay,

phạt chậm trả lãi = (số tiền chậm trả x lãi suất phạt (150% lãi suất cho vay trong hạn) x số ngày chậm trả/30 (365 nếu lãi suất vay là năm). Thực hiện hợp đồng tín dụng E đã giải ngân theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1003LDS220000461, ngày 22/02/2022 cụ thể số tiền vay: 1.700.000.000 đồng; thời hạn vay 240 tháng kể từ ngày giải ngân; lịch trả nợ gốc hàng tháng vào ngày 25; Lịch trả lãi hàng tháng vào ngày 25; Lãi suất cho vay 7,49%/năm, cố định 12 tháng đầu cho vay theo chương trình “cho vay theo sản phẩm tích tài”; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay; Mục đích vay sửa chữa nhà và mua sắm vật dụng gia đình. Tài sản đảm bảo: Nhà và đất (thửa số 320, tờ bản đồ số 10) tọa lạc tại địa chỉ: 1 N, Phường T, Quận N, Thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 5401110796 (Hồ sơ gốc số: 96/2001) do UBND thành phố U cấp ngày 03/10/2001, cập nhật chỉnh lý ngày 06/7/2007 tên ông Dương Ngọc Bảo Q, giá trị tạm tính: 2.187.000.000 đồng. Về khoản nợ vay tạm tính đến ngày 06/9/2024 ông Dương Ngọc Bảo Q nợ cụ thể: Dư nợ hiện tại: 1.483.480.000 đồng; Nợ lãi (Lãi trong hạn và lãi phạt): 20.470.201 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.503.850.201 đồng. Không có yêu cầu trả nợ.

* Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại Bản án sơ thẩm số 350/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu phản tố nguyên đơn bà Dương Ngọc Anh T và bị đơn bà Bùi Thị T2 như sau:

1.1 Về quyền được thừa kế:

-Về quyền thụ hưởng quyền bề mặt: Giao mỗi người được thụ hưởng một quyền một suất thừa kế như sau:

Nguyên đơn bà Dương Ngọc Anh T được hưởng quyền bề mặt là tiền thu nhập cho thuê trụ anten theo “Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng lắp đặt thiết bị viễn thông số: 042/HĐ-CSHT/2016 ký ngày 07/10/2016 tại Trung Tâm V1- V1 và phụ lục hợp đồng ký ngày 01/07/2021, ước tính giá trị thụ hưởng khoảng 280.500.000đ (Hai trăm tám mươi triệu năm trăm ngàn đồng)). Nguyên đơn liên hệ đơn vị thực hiện việc nhận tiền trực tiếp hay chuyển khoản từ đơn vị thuê và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước (nếu có) theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Bùi Thị T2 được thụ hưởng quyền bề mặt cho thuê trụ anten là “Hợp đồng thuê cột anten có sẵn và nhà trạm lắp đặt trạm thông tin di động số: BTS/314043-3/HĐKT ký ngày 05/08/2009 tại Trung Tâm T8 – Chi nhánh Công Ty Cổ Phần V2 và phụ lục gia hạn hợp đồng thuê mặt bằng đặt trạm thông tin di động ký ngày 15/2/2022, ước tính khoảng 292.500.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) và gia hạn hợp đồng trụ tại địa chỉ: 1 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn và bị đơn tự liên hệ đơn vị chi trả tiền thụ hưởng ghi nhận số tài khoản nhận hoặc nhận trực tiếp. Trường hợp có nghĩa vụ tài chính về thuế hay phí khác có phát sinh đương sự tự chịu trên phần quyền thụ hưởng của đương sự được nhận).

- Về quyền hưởng di sản thừa kế là bất động sản và nghĩa vụ của người chết để lại: Bà Bùi Thị T2 được thụ hưởng thừa kế căn nhà và đất cho bà Bùi Thị T2 là quyền sử dụng và sở hữu tài sản địa chỉ: 1 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 5401110796 (Hồ sơ gốc số: 96/2001) do UBND thành phố U cấp ngày 03/10/2001, cập nhật chỉnh lý ngày 06/7/2007 tên ông Dương Ngọc Bảo Q; sau khi thực hiện nghĩa vụ của ông Dương Ngọc Bảo Q với E (theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1003LDS220000461, ngày 22/02/2022) dư nợ còn lại (bao gồm vốn lãi theo hợp đồng tín dụng).

- Về hưởng suất thừa kế là động sản:

Nguyên đơn bà Dương Ngọc Anh T được hưởng một chiếc xe ô tô biển số 65A – 201.21 (nhãn hiệu DAEWOO – LACETTISE1, năm sản xuất B; số máy: F16D3-2598441, số khung: RLLANF46D8H010201, Giấy chứng nhận đăng ký xe số 65007266) mang tên Dương Ngọc Bảo Q. Bà T được chỉnh lý sang tên sở hữu theo quy định tại cơ quan có thẩm quyền và chịu chi phí, nghĩa vụ tài chính (nếu có) thuế, phí đối với Nhà nước (Tài sản này bà Bùi Thị T2 đang quản lý). Buộc bà Bùi Thị T2 có trách nhiệm giao tài sản xe ô tô biển số 65A – 201.21 cho bà T.

Bị đơn bà Bùi Thị T2 được hưởng một xe ô tô biển số 65A – 351.71 nhãn hiệu TOYOTA, số máy: 2NRX926058, số khung: MHFABIBY8N3023835, Giấy chứng nhận đăng ký xe số 65015629, Veloz Cross mang tên Dương Ngọc Bảo Q. Bà Bùi Thị T2 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Công Ty TNHH Một Thành Viên T7 cho đến khi tất nợ thì được chỉnh lý sang tên sở hữu theo quy định và chịu chi phí, nghĩa vụ tài chính (nếu có) thuế, phí đối với Nhà nước. (Tài sản này bà Bùi Thị T2 đang quản lý)

-Về trách nhiệm hoàn trả giá trị sau khi thụ hưởng tài sản:

Buộc bà Bùi Thị T2 phải hoàn trả giá trị tiền còn lại (sau khi đã khấu trừ các khoản chi phí, nghĩa vụ hoàn trả) số tiền 7.342.900 đồng (Bảy triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm đồng) cho nguyên đơn bà Dương Ngọc Anh T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, phía bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ theo Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.2 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố chia thừa kế đối với chiếc xe ô tô mang biển số: 65A- 330.20, số máy: 2NRX841173, số khung RL4B28F34N5122293, Giấy đăng ký xe số: 65A12153 (Hiện tài sản đang thế chấp

tại Công Ty TNHH Một Thành Viên T7). Hậu quả phân đình chỉ này. Đương sự không phải chịu án phí và thực hiện theo Điều 192; Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 07 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn bà T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, bác phản tố của bị đơn

* Ngày 10 tháng 10 năm 2024, bị đơn bà T2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc những người hưởng thừa kế phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà 350.000.000 đồng và yêu cầu chia tiền bán chiếc xe 330.20 là 35.000.000đ mà bà T đang giữ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như kháng cáo yêu cầu giao nhà, đất và hai chiếc xe ô tô cùng với hai trụ anten cho thuê cho bà T, bà T đồng ý chia đôi khoản nợ xe và nhà, đối với số tiền 200.000.000 đồng tiết kiệm của ông Q thì đã giao cho bà T2 một nửa nên không đồng ý trả theo như án sơ thẩm tuyên.

- Đại diện bị đơn rút toàn bộ kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng, tại phiên tòa đại diện bị đơn rút kháng cáo nên đình chỉ xét xử. Cấp sơ thẩm xác định người để lại di sản, người thừa kế, di sản của ông Q để lại và chia là đúng quy định, kháng cáo bà T đòi giao xe, giao nhà và trụ anten cùng với tiền tiết kiệm là không có căn cứ chấp nhận nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Việc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn nhưng có người đại diện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến hai lần, có một số xin vắng nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Việc đại diện bị đơn rút kháng cáo tại phiên tòa là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về yêu cầu ngừng phiên tòa để định giá của nguyên đơn: thấy cấp sơ thẩm đã có định giá, các bên thống nhất không ai có ý kiến, nay lại cho rằng, chờ

xét xử phúc thẩm giá đã thay đổi nhưng không có chứng cứ chứng minh giá đã định không phù hợp với giá thị trường và việc định giá không chính xác, do đó, không có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của các nguyên đơn:

[2.1] Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, có cơ sở xác định: ông Dương Ngọc Bảo Q, sinh năm: 1974, mất ngày 29/11/2022. Ông Q có hai người thừa kế gồm bà Bùi Thị T2 (mẹ ruột) và bà Dương Ngọc Anh T (con) theo Điều 651 Bộ luật Dân sự. Cả bà T2 và bà T xác định. Ông Q chết không để lại di chúc nên xác định di sản chia thừa kế theo pháp luật theo Điều 649; Điều 650 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Các đương sự thống nhất:

[2.2.1] Di sản ông Q để lại: nhà ở - đất ở tọa lạc tại địa chỉ: 1 N, Phường T, Quận N, Thành phố Cần Thơ; Quyền thụ hưởng cho thuê đất trụ anten sóng di động (có hai hợp đồng tại hai địa chỉ); Đối với động sản là ba chiếc xe ô tô: ô tô biển số 65A – 201.21 và xe 65A- 351.71, xe 65A – 330.20; Khoản tiền tiết kiệm 200.000.000đồng.

[2.2.2] Về nghĩa vụ nợ ông Dương Ngọc Bảo Q gồm: hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1003LDS220000461 ngày 22/02/2022 cụ thể số tiền vay: 1.700.000.000 đồng, dư nợ vay tạm tính đến ngày 06/9/2024 là 1.483.480.000 đồng, nợ lãi (Lãi trong hạn và lãi phạt): 20.470.201 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.503.850.201 đồng. Tài sản đảm bảo: Nhà và đất (thửa số 320, tờ bản đồ số 10) tọa lạc tại địa chỉ: 1 N, Phường T, Quận N, Thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 5401110796 (Hồ sơ gốc số: 96/2001) do UBND thành phố U cấp ngày 03/10/2001, cập nhật chỉnh lý ngày 06/7/2007 tên ông Dương Ngọc Bảo Q; Dư nợ mua góp xe ô tô biển số 65A – 351.71 số tiền nợ là 399.000.000 đồng.

[2.2.3] Về giá trị các tài sản, các đương sự có yêu cầu định giá và thống nhất giá đã định ở giai đoạn sơ thẩm. Cụ thể giá nhà đất theo Chứng thư thẩm định giá số 040124/CP-SP ngày 04/01/2024 của Công ty TNHH T9 xác định giá trị quyền sử dụng đất: 1.876.490.000 đồng, giá trị công trình xây dựng 176.396.000 đồng, tổng giá trị đất và công trình xây dựng là 2.052.886.000 đồng; Theo chứng thư thẩm định giá số 215/2024/66, ngày 27/9/2024 của công ty TNHH T9 định giá chiếc xe ô tô 65A – 201.21 giá trị 105.000.000 đồng, xe ô tô biển số 65A – 351.71 định giá 583.000.000 đồng, riêng đối với xe ô tô biển số 65A – 330.20 thì các đương sự xác định nguyên đơn bà T đã bán 470.000.000 đồng, trả nợ vay cho công ty TNHH MTV T7, còn 70.000.000đồng bà T giữ.

[2.2.4] Phía nguyên đơn yêu cầu được nhận nhà đất, hoàn giá trị cho bị đơn bà T2: thấy rằng, từ khi ông Q mất tháng 11/2022 thì bà T2 là người trả lãi và gốc hàng tháng cho Ngân hàng E với số tiền 461.850.000đồng, hiện bà T2 đang ở nhà

này nên giao cho bà T2 quản lý, sử dụng, đồng thời có nghĩa vụ trả giá trị nhà cho bà T là phù hợp. Bà T2 có nghĩa vụ trả giá trị nhà đất cho bà T được hưởng 1.026.443.000đồng. Về nợ đối với nhà này tính đến 06/9/2024 là 1.503.950.201 đồng, do giao cho bà T2 quản lý sử dụng và bà T2 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vậy xác định nợ 751.975.100 đồng mỗi bên phải chịu. Đối với số tiền 461.850.000 đồng bà T2 đã trả từ sau khi ông Q mất thì buộc bà T trả $\frac{1}{2}$ là phù hợp. Vậy căn trừ giá trị được hưởng và nghĩa vụ phải thực hiện thì bà T được nhận: 1.026.443.000 đồng (được hưởng) – 751.975.100 đồng (nợ Ngân hàng) – 230.625.000 đồng (tiền bà T2 trả Ngân hàng) = 43.842.900 đồng. Bà T2 hoàn lại cho bà T số tiền 43.842.900đồng. Do đó, bà T kháng cáo yêu cầu được nhận nhà là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2.5] Đối với xe ô tô số 65A-330.20, phía bà T đã bán cho bà Nguyễn Dương Tường V, Dương Ngọc Bảo T4 với giá 470.000.000đồng, phía bà V và bà T6 đã giao cho bà T 70.000.000đồng, còn lại 400.000.000 đồng thì bà V, Bảo T4 có nghĩa vụ trả tiếp cho công ty TNHH MTV T7. Phía bà T đã rút yêu cầu này nhưng bị đơn bà T2 có yêu cầu trong quá trình xét xử sơ thẩm và kháng cáo, tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn rút yêu cầu nên không xem xét. Đối với xe số 65A-351.71, xe này được mua trả góp, sau khi ông Q mất thì phía bà T2 vẫn là người thực hiện nghĩa vụ cho ông Q nên giao xe cho bà T2 là phù hợp. Xe có giá trị 583.000.000đồng, nên bà T2 có nghĩa vụ giao cho bà T số tiền 291.500.000đồng. Đối với xe 65A-201.21 giá trị 105.000.000 đồng, bà T2 đang quản lý, nhưng đã giao xe 351.71 cho bà T2 nên giao xe 201.21 cho bà T là phù hợp. Bà T có nghĩa vụ trả lại giá trị cho bà T2 52.500.000đồng. Tiền thuê xe bà T2 trả cho bà T 24.000.000đồng. Về tiền nợ xe 399.000.000đồng, chia đôi mỗi bên một nửa 199.500.000đồng. Vậy bà T2 có nghĩa vụ giao cho bà T 291.500.000đồng (tiền xe 351.71) + 24.000.000đồng (tiền cho thuê xe) = 315.500.000đồng. Bà T có nghĩa vụ trả nợ 199.500.000đồng + 52.500.000đồng (trả giá trị xe 201.21 cho bà T2) = 252.000.000đồng, vậy bà T2 còn có nghĩa vụ giao lại cho bà T 315.500.000 đồng – 252.000.000đồng = 63.500.000đồng. Vì vậy, kháng cáo của bà T yêu cầu được nhận xe 351.71 là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2.6] Đối với khoản tiết kiệm 200.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP Đ1 xác nhận ngày 29/02/2024 đã giao cho bà T số tiền này, bà T cho rằng đã giao cho bà T2 nhưng bà T2 xác định không có, bà T không có chứng cứ chứng minh nên buộc bà T trả lại $\frac{1}{2}$ số tiền cho bà T2 100.000.000 đồng là phù hợp.

[2.2.7] Đối với hai hợp đồng cho thuê trụ phát sóng: một trụ tại địa chỉ nhà và đất là bất động sản quận N, thành phố Cần Thơ. Quyền bất động sản đã được xem xét giao cho bị đơn bà Bùi Thị T2, nên trụ sóng anten tại nhà - đất giao cho bà Bùi Thị T2 thụ hưởng là thuận lợi, bà T2 sẽ tiếp nhận phần quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng do ông Q đã ký với bên thuê. Đối với trụ sóng anten tại quận C, thành

phổ Cần Thơ giao cho bà T thụ hưởng. Bà T sẽ tiếp nhận phần quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng do ông Q đã ký với bên thuê. Về số tiền 280.500.000 đồng được hưởng, do tranh chấp nên chưa nhận được, vì vậy, bà T được quyền nhận, đối với trụ này thì có nghĩa vụ thuê quyền sử dụng đất để đặt trụ. Hiện tại bà T2 đã trả tiền thuê đất đặt trụ mỗi tháng 2.000.000 đồng tính từ 01/2023 đến tháng 08/2024 là 20 tháng số tiền 40.000.000 đồng, bà T được thụ hưởng nên phải chịu tiền thuê tiếp tục và trả lại cho bà T2 40.000.000 đồng tiền thuê đã trả trước đó. Vì vậy, bà T yêu cầu được nhận hai trụ cho thuê phát sóng là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Bà T2 có nghĩa vụ trả giá trị cho bà T như nhận định [2.2.4] 43.842.900 đồng và [2.2.5] 63.500.000 đồng = 107.342.900 đồng. Bà T có nghĩa vụ trả cho bà T2 100.000.000 đồng tiền tiết kiệm, cân trừ thì bà T2 có nghĩa vụ trả cho bà T 7.432.900 đồng.

[4] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà T2 là đúng quy định nên giữ nguyên.

[5] Về chi phí tố tụng: giữ nguyên như án sơ thẩm.

[6] Về phần án phí:

[6.1] Sơ thẩm: giữ nguyên như án sơ thẩm.

[6.2] Phúc thẩm: Bà T kháng cáo không được chấp nhận, do đó, phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ:** - Khoản 1 Điều 308, Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:**

- Đình chỉ kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị T2.
- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Dương Ngọc Anh T.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 350/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.
- Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002109 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh